TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Đình Sở

2. Ông Nguyễn Phước Khánh

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc: "Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2019/QĐST-DS ngày 26/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lưu Văn T, Sinh năm 1984
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, Sinh năm 1990
Đều ĐKHKTT: Thôn Th Đ, xã H N, huyện S S, thành phố Hà Nội.
Nơi đăng ký tạm trú: Xóm S, xã T Nh, huyện Th S, Phú Thọ.
(Anh T và chị N đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn anh Lưu Văn Tiền trình bày:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 87/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện S S anh T và chị Nguyễn Thị N đã tự nguyện thỏa thuận về phần con chung như sau: Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Lưu Đức D, sinh ngày 16/6/2014 và Lưu Yến V, sinh ngày 19/4/2011. Sở dĩ anh

T thỏa thuận như vậy vì anh T không muốn chia rẽ hai con chung và chị N có hứa là để các con sống ở gần gia đình anh T để cả hai bên cùng chăm sóc các con. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng số tiền 2.000.000đồng cho cả hai con. Tuy nhiên sau khi ly hôn chị N lại đón cháu V về sống cùng bố mẹ đẻ tại xã T N, huyện Th S còn bản thân chị N thì đi làm ăn xa không có thời gian chăm sóc các con chung, thực tế từ sau khi ly hôn cháu Lưu Đức D vẫn sống chung cùng anh T và ông bà nội. Anh T cho rằng chị N không đảm bảo được việc nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung. Anh T có thu nhập, nhà ở ổn định đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường của cháu D.

Nay anh Lưu Văn T khởi kiện đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, anh T xin được nuôi cháu Lưu Đức D, sinh ngày 16/6/2014 và không đề nghị chị Nguyễn Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị đồng ý với lời khai của anh T về vấn đề anh chị ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 87/2019/QĐST- HNGĐ ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện S S anh Lưu Văn T và chị Nguyễn Thị N đã tự nguyện thỏa thuận về phần con chung giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Lưu Đức D, sinh ngày 16/6/2014 và Lưu Yến V, sinh ngày 19/4/2011. Thực tế sau khi ly hôn chị N vẫn sống cùng nhà với anh T tại xã H N, S S, Hà Nội nhưng vì xảy ra mâu thuẫn với em trai anh T nên chị N đã đón các con đi. Chị đã đăng ký tạm trú cho ba mẹ con tại xóm S, xã T N, huyện Th S cùng bố mẹ đẻ chị N nhưng thực tế chỉ có cháu V về ở cùng và hiện nay đang học tại trường tiểu học xã L N, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ, còn cháu D thì anh T vẫn giữ ở cùng anh T không cho chị N đón đi. Chị N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T Đ, xã H N, huyện S S nhưng không có nhà ở tại đây.

Chị N khẳng định bản thân chị từ khi ly hôn chị vẫn chăm sóc cả 2 con đầy đủ cả về vật chất và tinh thần, hiện chị đang ở chung với bố mẹ đẻ của chị ở Xóm S, xã T N, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ để ông bà tiện chăm sóc các cháu khi chị đi làm vắng nhà. Bản thân chị hiện có nhà riêng tại xã S Th, huyện Th Th, tỉnh Phú Thọ.

Nay anh Tiền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với cháu Lưu Đức D, chị N không nhất trí với yêu cầu của anh T vì chị N tha thiết được trực tiếp chăm sóc con chung. Chị N cũng khẳng định có thu nhập, chỗ ở ổn định đảm bảo được cuộc sống sự phát triển bình thường của cả hai con chung.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th S:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Văn T. Giao cho anh T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Lưu Đức D, sinh ngày 16/6/2014 đến khi cháu D thành niên. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không có yêu cầu.

Về án phí: Anh Lưu Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa , Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa anh Lưu Văn T và chị Nguyễn Thị N là "Tranh chấp về thay đổi trực tiếp nuôi con sau ly hôn" thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay bị đơn là chị N cư trú tại xóm S, xã T N, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ và có sổ đăng ký tạm trú tại đây. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Th S, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Tòa án nhận hồ sơ và thụ lý vụ án theo Quyết định chuyển hồ sơ của Tòa án nhân dân huyện S S, thành phố Hà Nội là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh Lưu Văn T xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị Tòa án giao con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị N là cháu Lưu Đức D, sinh ngày 16/6/2014 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và anh không đề nghị chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi chung. Chị Nguyễn Thị N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Văn T.

Xét yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của anh Lưu Văn T, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được là các biên bản lấy lời khai của ông Lưu Văn Đ bố đẻ anh T, ông Đ khẳng định anh T là con trai lớn của ông hiện nay ông Đ vẫn tiếp tục giao ngôi nhà trên cho anh T quản lý trông nom để có điều kiện chăm sóc cháu D. Về công việc và thu nhập của anh T, Tòa án tiến hành xác minh và xác định hiện nay anh T có ký hợp đồng lao động và đang làm việc tại Công ty TNHH kỹ thuật số có trụ sở tại thôn T Đ, xã H N, huyện S S, thành phố Hà Nội có thu nhập bình quân từ 15 đến 20 triệu đồng một tháng, địa điểm làm việc gần nhà có điều kiện thuận lợi chăm sóc cho con chung là cháu D. Đối với cháu Lưu Đức D xác định từ khi ly hôn cháu D vẫn sống cùng anh T và ông bà nội tại thôn T Đ, xã H N, huyện S S. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đến nơi cháu D đang theo học là Trường mầm non xã H N, huyện S S để xác minh, thấy rằng nơi cháu D đang học là ngôi trường khang trang, với nhiều thiết bị học tập hiện đại. Cô giáo chủ nhiệm của cháu D cho biết cháu D có sức khỏe tốt, ngoan ngoãn, đi học đều, cháu được gia đình đặc biệt là bà nội và bố rất quan tâm, đóng góp các khoản thu cho nhà trường đầy đủ.

Xét về điều kiện nuôi con đối với chị Nguyễn Thị N:

Chị N có cung cấp cho Tòa án 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thể hiện bố mẹ đẻ của chị N là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị C có tặng cho chị N 01 nhà đất tại xã S T, huyện Th Th, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên hiện nay cháu Lưu Yến V lại đang sống cùng chị N và bố mẹ đẻ chị N tại xóm S, xã T N, huyện Th S. Như vậy thực chất việc chị N có nhà đất do bố mẹ tặng cho nhưng chưa đưa vào sử dụng để phục vụ việc ăn ở sinh hoạt của chị N và các con chung. Về công việc và thu nhập của chị N, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi làm việc của chị N, là Công ty TNHH T P có địa chỉ tại khu công nghiệp xã H X, huyện Th Th, tỉnh Phú Thọ được ông Nguyễn Hồng T giám đốc Công ty cho biết: Chị N hiện làm nhân viên kế toán thuế cho công ty, vào làm được khoảng 02 năm có thu nhập bình quân hàng tháng 5.000.000đồng. Đối với giấy xác nhận của chị Ngà đã nộp cho Tòa án Sóc Sơn thể hiện mức lương hàng tháng của chị Ngà là 15.000.000đồng ông T cho biết: Có thời điểm chị Ngà đảm nhiệm nhiều công việc nên cũng có lúc thu nhập 15.000.000đồng. Nhưng hiện nay chị Ngà chỉ làm nhân viên kế toán thuế nên thu nhập bình quân là 5.000.000đồng. Chị N không ký hợp đồng lao động với Công ty.

Hội đồng xét xử thấy rằng với mức thu nhập hiện nay của chị Ngà để trực tiếp chăm sóc và nuôi dạy cả hai con chung sẽ gặp nhiều khó khăn. Mặt khác hiện nay chị Ngà đi làm cách nhà khá xa, các con phải gửi bố mẹ để chăm sóc đưa đón, chị N ít có thời gian quan tâm chăm sóc con chung (Thể hiện trong biên bản xác minh tại khu hành chính xóm S, xã T N, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ).

Quá trình giải quyết vụ án chị Ngà có trình bày là anh T có con riêng, có nhiều hành vi vi phạm pháp luật và không chấp hành Quyết định số 87/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện S S và Quyết định thi hành án số 343/QĐ-CCTHADS của Chi cục thi hành án dân sự huyện S S: Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi anh T đang cư trú. Tại Biên bản xác minh ngày 18/11/2019 đại diện khu dân cư thôn Th Đ khẳng định: Anh T và gia đình luôn chấp hành đúng chủ trương đường lối chính sách của Đảng pháp luật của Nhà nước, hương ước của địa phương, không vi phạm pháp luật. Anh T hiện đang sống cùng cháu D tại nhà bố mẹ anh T cho mượn ngoài ra không thấy có ai khác đến sống cùng. Cũng không thấy anh T trình báo hay làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con nào khác.

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 87/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện S S giữa anh T và chị Nguyễn Thị N, hai bên có thỏa thuận là giao cho chị N được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Lưu Yến V và cháu Lưu Đức D. Khi đó anh T cho rằng tự nguyện thỏa thuận như vậy vì hai bên có thống nhất với nhau từ trước là chị N vẫn để cả hai con cho anh T chăm sóc, chị N làm gần đó, cả hai vợ chồng cùng qua lại chăm sóc con chung, mặt khác anh T cũng không muốn tách các con, muốn để các con có chị có em. Nhưng ngay sau khi ly hôn chị N đã thay đổi thỏa thuận chị N tự ý đón con, vào đúng thời

điểm còn 02 hôm nữa cháu V đang chuẩn bị thi kết thúc học kỳ. Khi đó anh T có nói để cho con thi học kỳ xong rồi chuyển trường nhưng chị N cương quyết đón đi. Cả cháu V và cháu D đều không muốn theo mẹ vì các cháu lâu ngày đã bện bố và ông bà nội. Anh T không hề ngăn cấm việc chị N đón con nhưng vì cháu D cương quyết không theo mẹ nên chị N không đón được chứ anh T không phải không chấp hành quyết định thi hành án. Khi ly hôn song, chị N không hề đến xin phép gia đình anh T để đón con mà tự ý đến trường đón con và có đơn yêu cầu thi hành án việc này anh T không biết. Tại phiên tòa chị N cũng khẳng định chị có làm đơn yêu cầu thi hành án, sau khi cơ quan Thi hành án dân sự huyện S S có Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 343 ngày 02/5/2019 chị N cũng không đến đón con, không qua lại thăm nom hay cấp dưỡng cho con chung là cháu D. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Điều 1 Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 343 ngày 02/5/2019 cơ quan Thi hành án dân sự huyện S S có ghi rõ: *"Người phải thi hành án có trách nhiệm tự nguyện thi hành án trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được thông báo hợp lệ Quyết định này"*. Đối tượng được thi hành án trong vụ án là con chung - cháu Lưu Đức D không phải là hàng hóa hay tài sản để anh T có thể gửi đi hay mang đến được, chị N không quay lại đón con cũng không có động thái thăm hỏi hay cấp dưỡng cho con chung. Mặt khác đối với biên bản sự việc ngày 22/4/2019 do Đồn công an K A, S S lập mà chị N cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị N chỉ cung cấp được bản phô tô (trên nền giấy đen không rõ ràng), thành phần buổi làm việc có ông Nguyễn Văn H trưởng đồn K A nhưng phần cuối biên bản ông H không ký tên, không đóng dấu xác nhận, nội dung của biên bản không thể hiện việc anh T không thi hành Quyết định thi hành án, hay chống đối việc thi hành án. Vì vậy không có đủ cơ sở để kết luận anh T không chấp hành Quyết định thi hành án.

Từ những nhận định trên, xét thấy anh Lưu Văn T đáp ứng đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lưu Đức D vì có công việc, nguồn thu nhập và nơi ở ổn định, có điều kiện về thời gian đưa đón con đi học, có đủ cơ sở để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Lưu Đức D, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Văn T theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Lưu Văn T phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Văn T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn đối với chị Nguyễn Thị N.

Giao cho anh Lưu Văn T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Lưu Đức D, sinh ngày 16/6/2014 đến khi cháu D thành niên, lao động tự túc được. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không có yêu cầu. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Lưu Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AC/2015/0001885 ngày 29/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S S, thành phố Hà Nội. Nay chuyển thành án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự.*
- *VKSND huyện + tỉnh*
- *Cơ quan THADS huyện Thanh Sơn.*
- *Lưu VT, Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Cẩm Vân